

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trung Tính
2. Ông Nguyễn Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2016/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3029/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trà M, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc B, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: WA 98059, USA.

Các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2016 của nguyên đơn là bà Trần Thị Trà M và các lời khai trong quá trình tố tụng, bà M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Quốc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2013 ngày 20/8/2013. Sau thời gian chung sống hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tính tình ông B gia trưởng, áp đặt chuyện lớn nhỏ trong gia đình dù đúng hay sai và bắt buộc bà phải

làm theo ý của ông B khiến bà cảm thấy sợ hãi và ngột ngạt vô cùng. Bà cố gắng khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông B vẫn tính nết đó không có sự thay đổi. Sau đó vì công việc ông B quay trở về Mỹ, dù sống ở xa nhưng bản tính ông B vẫn vậy, hay khó chịu và cáu gắt. Tháng 7/2015 ông B về Việt Nam, lần này mâu thuẫn phát sinh trầm trọng khi ông B có thái độ cư xử không đúng mực với cha mẹ bà. Bà và ông B không hợp nhau về cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc B. Vì bận việc nên bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà M khai không có.

Bị đơn là ông Trần Quốc B, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập hợp lệ: Tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Trần Quốc B có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Trần Thị Trà M khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 1007/TTTPDS-TA ngày 12/9/2016). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có công văn đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Theo đó, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ đã gửi thông báo cho bị đơn, đồng thời niêm yết hồ sơ tại trụ sở Tổng lãnh sự quán.

Ngày 16/01/2017, ông Trần Quốc B có văn bản (đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 12/6/2017) trả lời như sau: Ông xác nhận lời khai của bà M về thời gian đăng ký kết hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Ông thừa nhận sau hơn ba năm là vợ chồng, ông và bà M có một số mâu thuẫn không thể giải quyết được, đồng thời ông xin được ly hôn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết thủ tục ly hôn với bà Trần Thị Trà M.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Trà M, Hội đồng xét xử nhận thấy bà M và ông Trần Quốc B kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành

phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Trần Quốc B mang quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của Bà Trần Thị Trà M yêu cầu ly hôn ông Trần Quốc B, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà M (bà M cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì trong quá trình chung sống bà và ông B không hợp nhau và phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà M và ông B không có quá trình chung sống lâu dài, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà M và ông B đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà M yêu cầu ly hôn với ông B là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà M ly hôn với ông B là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Trà M và ông Trần Quốc B đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, bà M chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trà M được ly hôn với ông Trần Quốc B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77, Quyền số 01/2013 ngày 20/8/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Trà M và ông Trần Quốc B không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Trà M và ông Trần Quốc B đều xác định không có, Tòa án không xem xét.

3. Về án phí phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, bà Trần Thị Trà M chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng mà bà M đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 02829, ngày 25/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Trà M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Bà Trần Thị Trà M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Trần Quốc B được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- UBND Phường 8, quận Tân Bình, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Cao